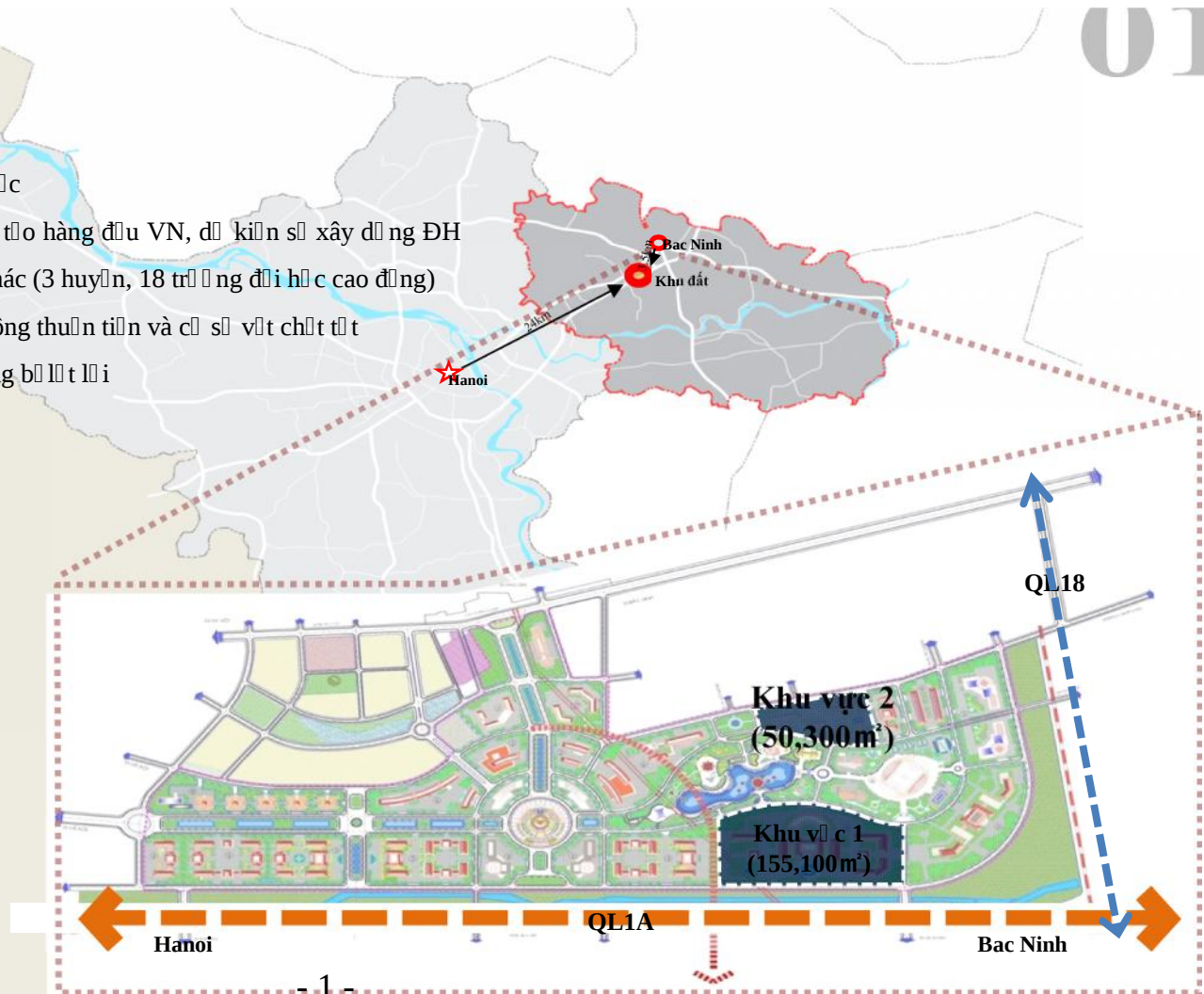


Dự án xây dựng trường ĐH Dân c HN t i Bắc Ninh
Phong án kiến trúc

2012. 08.22.

1. Vị trí

- Bắc Ninh cách Hà Nội 25km về phía đông bắc
- Nằm trong khu vực quy hoạch giáo dục đào tạo hàng đầu VN, dự kiến sẽ xây dựng ĐH Đông Á và nhiều trường đại học khác (3 huyện, 18 trường đại học cao đẳng)
- Nằm gần đường quốc lộ 1A và 18A, giao thông thuận tiện và cơ sở vật chất tốt
- Địa hình bằng phẳng, hầu như không bị ô nhiễm



02

Quy ho ạch t ại ng m ặt b ề ng

1. Toàn cảnh tổng thể ĐH Địch HN tại Bắc Ninh



2. Quy hoạch tổng mặt bằng

- Tổng diện tích quy hoạch: 205.400 m²
- Diện tích xây dựng: 44.0000 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 100.000 m² (20m²/SV-BXD)
- Diện tích cây xanh: 92.000 m² (44,79%). (TCVN 3981-1985: ~ 40%)
- Diện tích sân, đường giao thông: 64.400 m² (33,79%)
- Mật độ xây dựng: 21,42% (TCVN 3981-1985: 20-25%)
- Hệ số sử dụng đất: 0,5 lần

Giai đoạn	Stt	Hình thức	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
A-Giai đoạn I (Cần sẽ thi công)	1	Tòa nhà trung tâm-A	1100	10	7500
	2	Thư viện (Tòa nhà Trung tâm B)	450	4	1800
	3	Tòa nhà dịch vụ (Nhà ăn)	850	3	1900
	4	Khu giảng đường-A	1350	4	5200
	5	Khu giảng đường-B	950	3	1500
	6	Tòa nhà bếp ăn-A	3800	4	6500
	7	Tòa nhà bếp ăn-B	3800	4	6500
	8	Ký túc xá - 1	1200	5	5500
	9	Nhà khách	500	4	1500
		Tổng (A)	14000		37900
B-Kế hoạch mở rộng (Tất cả các công trình sẽ xây dựng trong tương lai)	10	Thư viện trung tâm thông tin	1500	5	6500
	11	Trung tâm thực hành Dịch vụ, Nghề, TSHH (BE)	700	1	700
	12	Tòa nhà bếp ăn-C	3800	4	6200
	13	Trung tâm hội thảo	1200	3	3400
	14	Ký túc xá -2+ Khu vực bãi đỗ xe	1700	5	8400
	15	Ký túc xá -3	2200	5	10700
	16	Sân vận động	1000	1	1000
	17	Ký túc xá -4	2200	5	10700
	18	Thí nghiệm Âm nhạc	500	1	500
	19	Khu giảng đường-C	1400	5	6200
	20	Không gian cho các tòa nhà mở rộng trong tương lai	6000	-	-
	21	Hành lang nội bộ, gara, nhà vệ sinh	7800	1	7800
		Tổng (B)	30000		62100
Tổng cộng (A+B)			44000		100000

Khu vực nhà

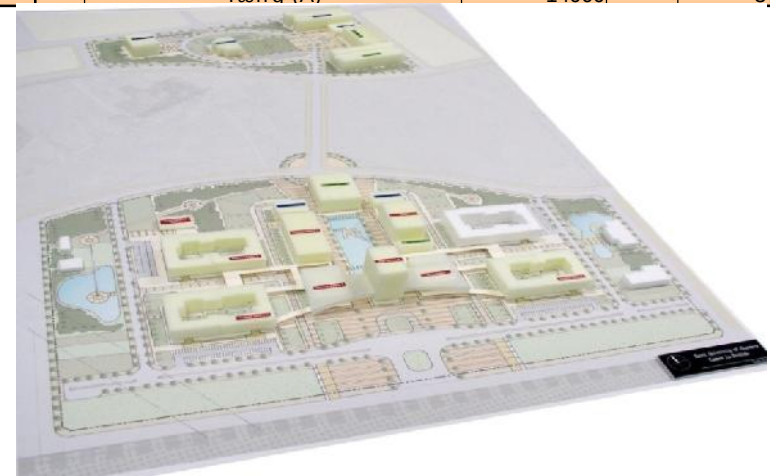
Khu vực trung tâm



3. Quy hoạch xây dựng giai đoạn I (Giai đoạn thiết yếu).



Giai đoạn	Stt	Hình thức	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng cao	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
A-Giai đoạn I (Cần thiết yếu)	1	Tòa nhà trung tâm-A	1100	10	7500
	2	Thị trấn (Tòa nhà Trung tâm B)	450	4	1800
	3	Tòa nhà dịch vụ (Nhà ở)	850	3	1900
	4	Khu giảng dạy-A	1350	4	5200
	5	Khu giảng dạy-B	950	3	1500
	6	Tòa nhà bệnh viện-A	3800	4	6500
	7	Tòa nhà bệnh viện-B	3800	4	6500
	8	Ký túc xá, -1	1200	5	5500
	9	Nhà khách	500	4	1500
	Tổng (A)		14000		37900



4. Toàn cảnh khu vực trung tâm.

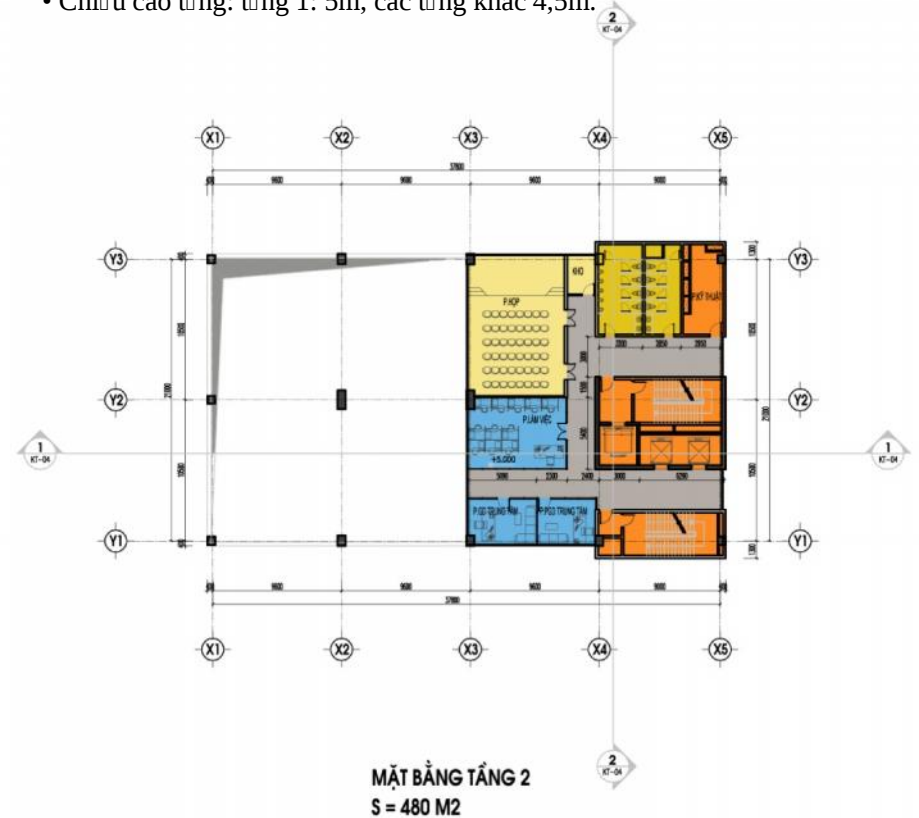


5. Tòa nhà trung tâm A.

- Diện tích xây dựng: 1.100 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 7.500 m²
- Tầng 1: Sân.
- Tầng 2: Các phòng lv, phòng họp
- Tầng 3: Các phòng lãnh đạo, phòng lv.



- Tầng 4: Các phòng lv.
- Tầng 5-6-7-8: Các phòng training, phó bộ môn.
- Tầng 9: Các phòng training khoa.
- Chiều cao tầng: tầng 1: 5m, các tầng khác 4,5m.



Campus core Building plan

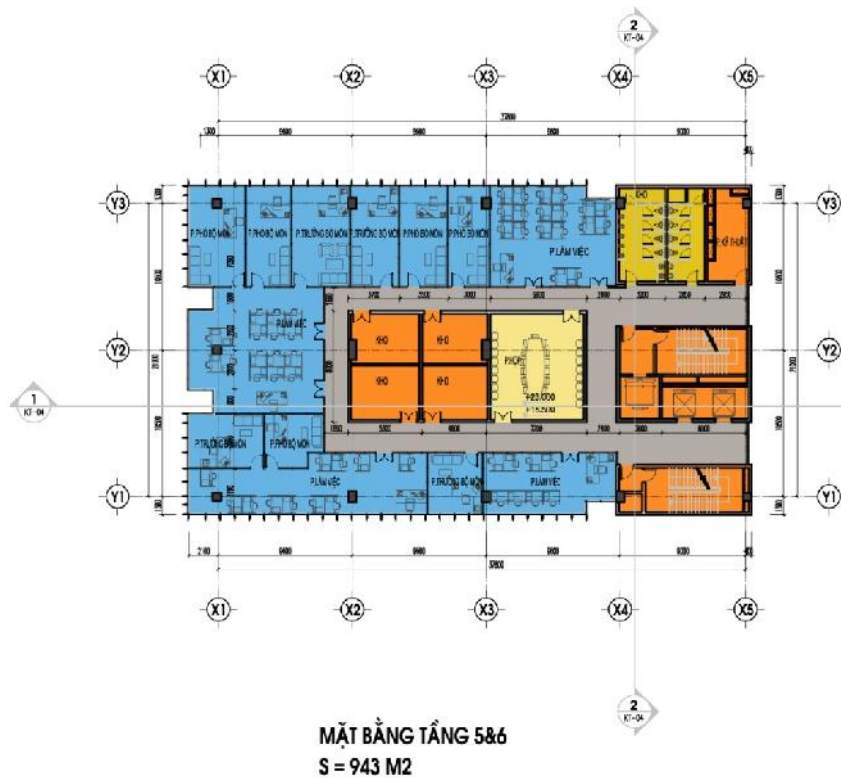


MẶT BẰNG TẦNG 3
S = 943 M2



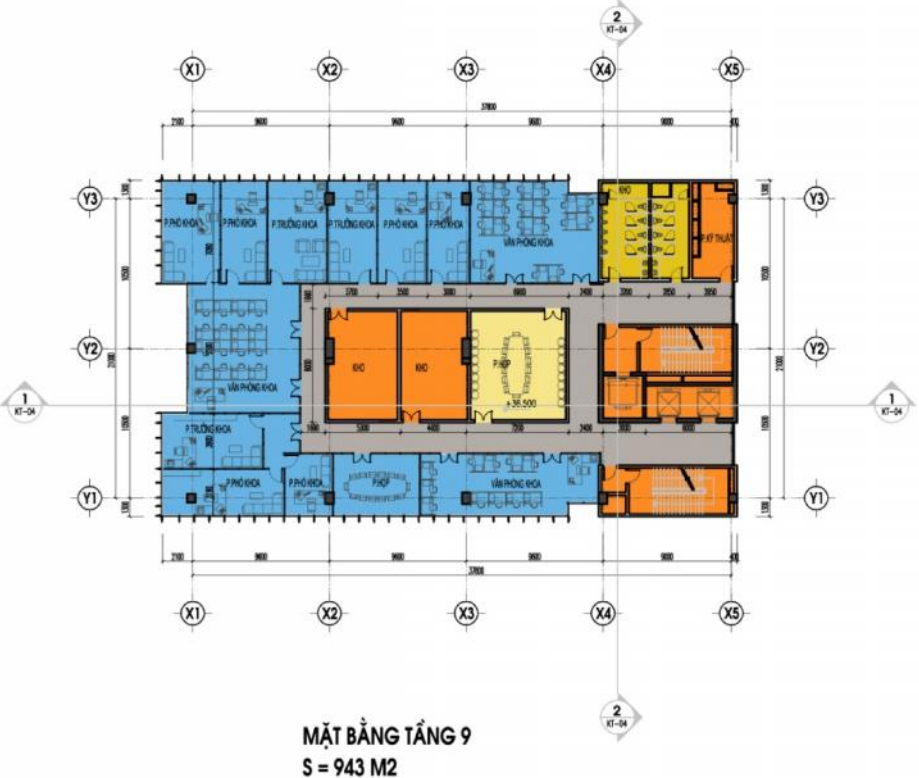
MẶT BẰNG TẦNG 4
S = 943 M2

5. Tòa nhà trung tâm A.



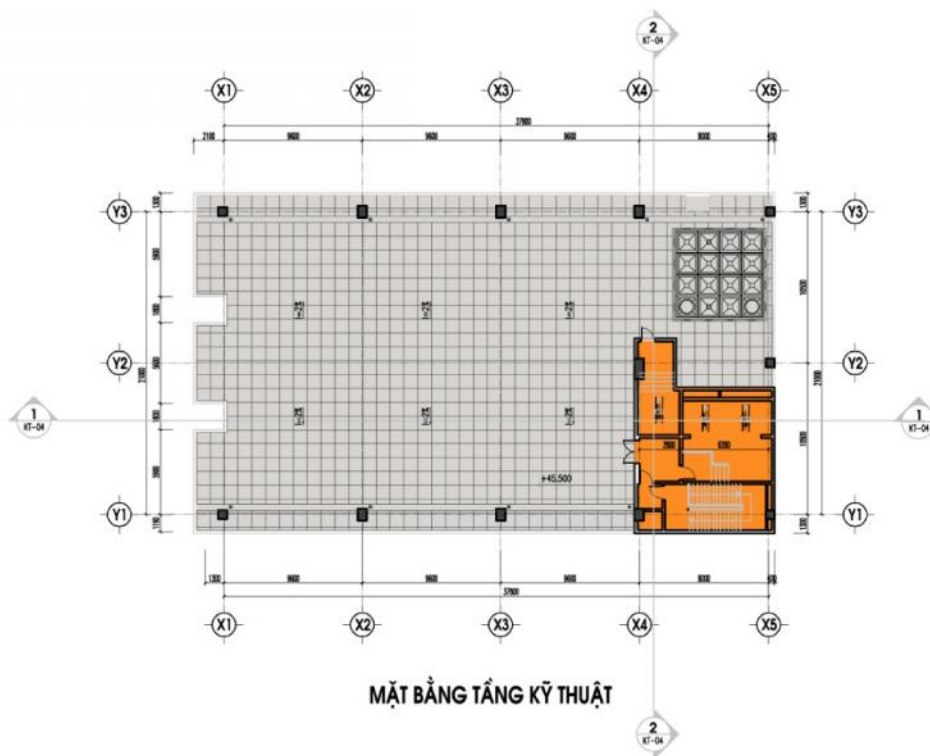
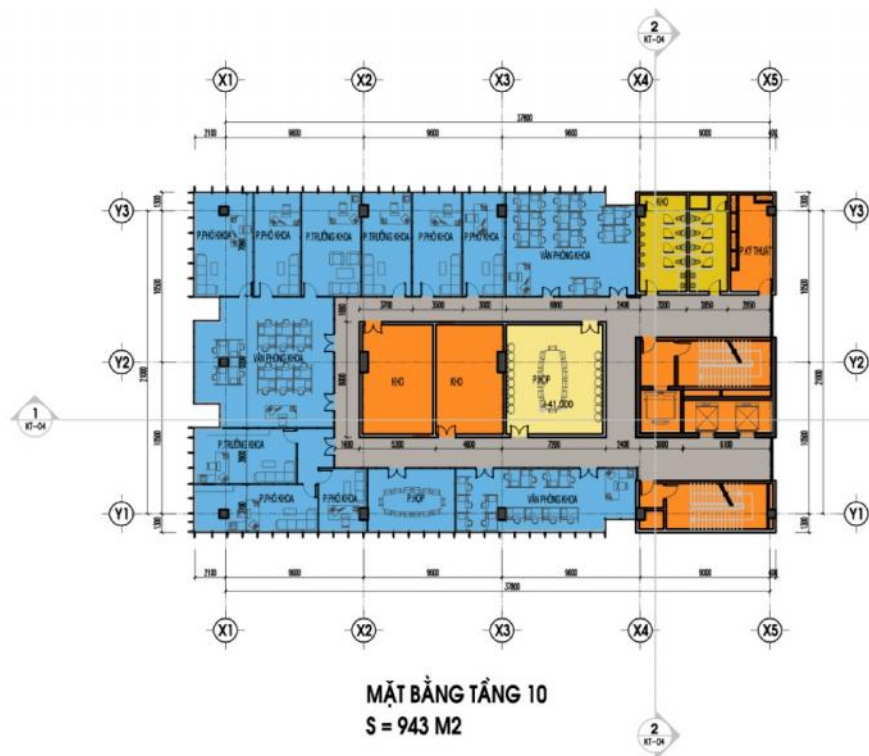
5. Tòa nhà trung tâm A.

Campus core Buiding plan

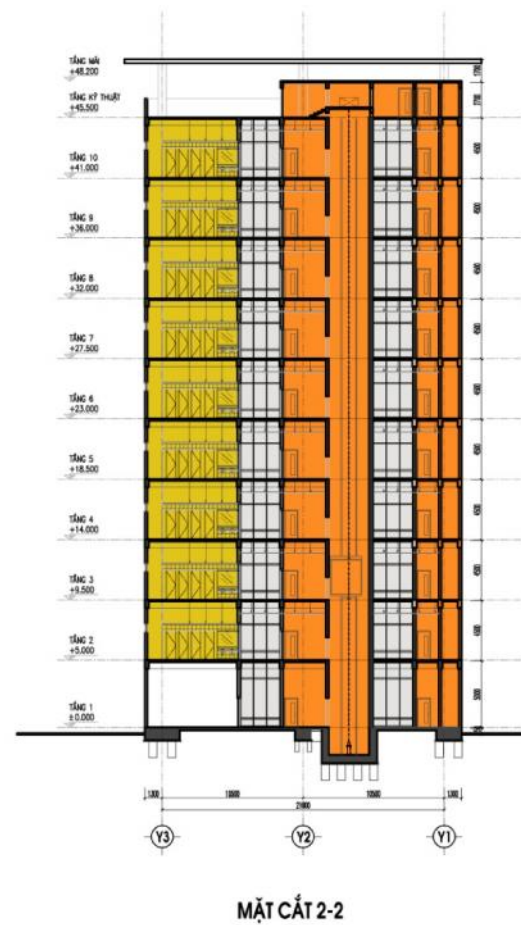
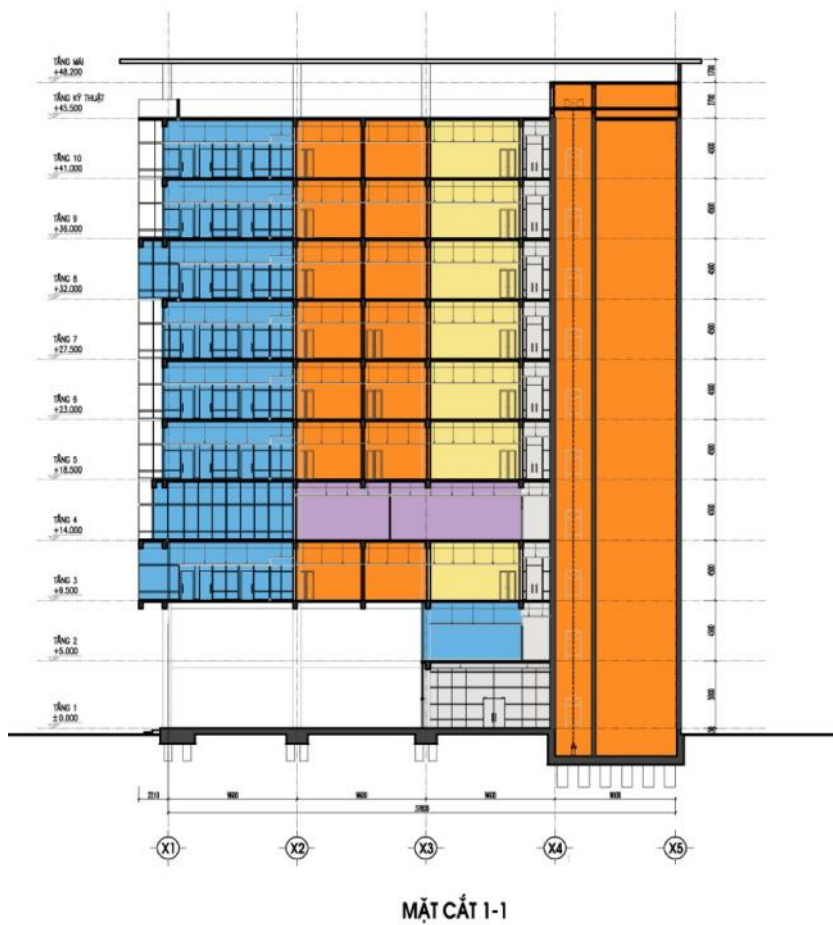


5. Tòa nhà trung tâm A.

11



5. Tòa nhà trung tâm A.

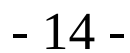


6. Tòa nhà trung tâm B.

- Diện tích xây dựng: 450 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 1.800 m²
- Tầng 1: Sảnh, các phòng lv.
- Tầng 2: Các phòng lv khi đi học, công đoàn, thanh niên
- Tầng 3: Các phòng lãnh đạo trường.
- Tầng 4: Các phòng lv.
- Chiều cao tầng: tầng 1: 5m, các tầng khác 4,5m.

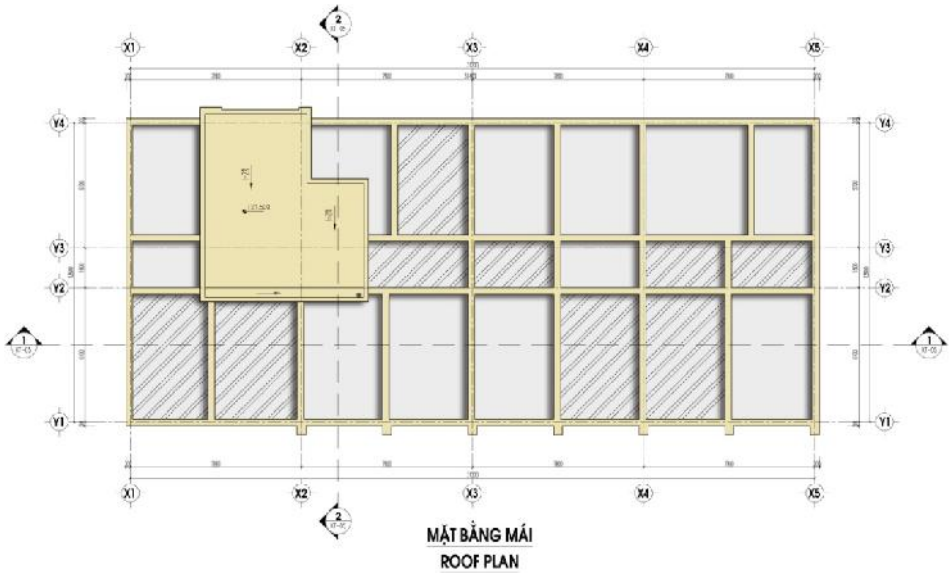


Campus core Buiding plan



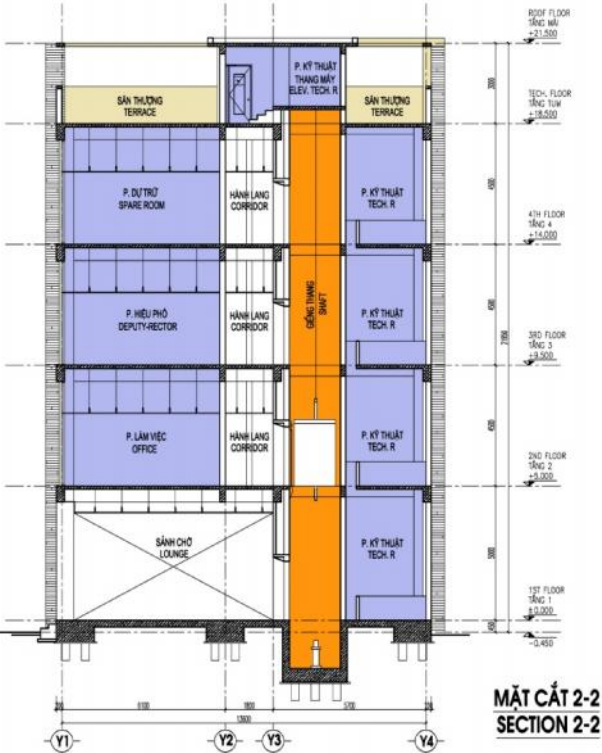
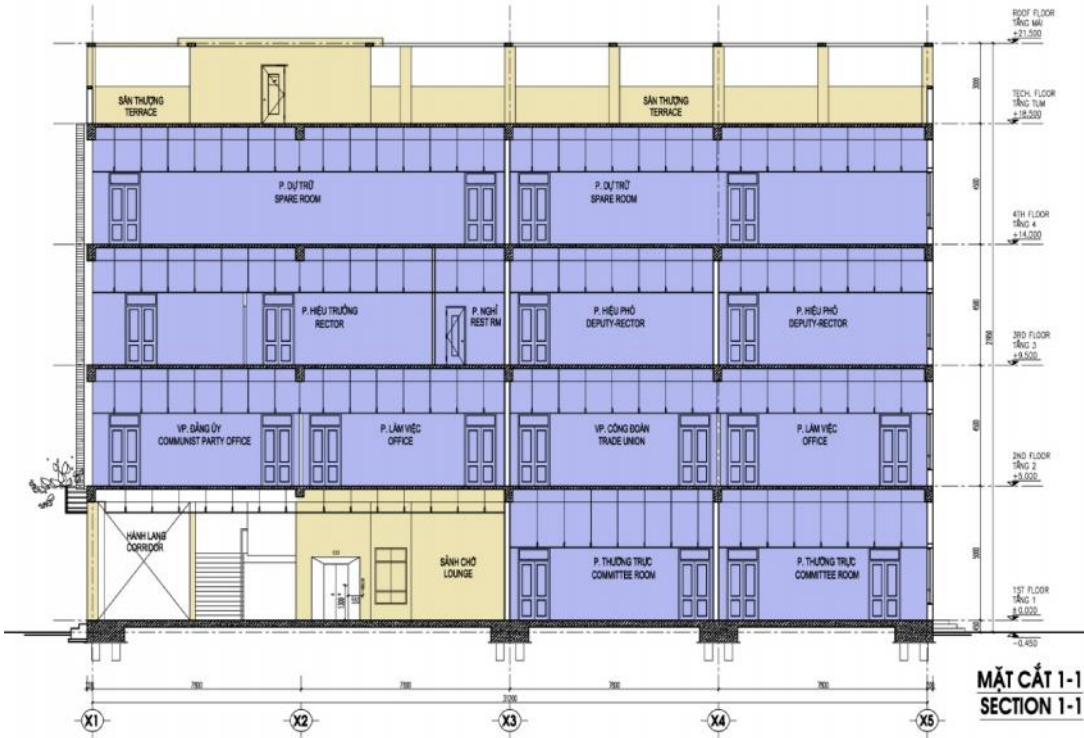
6. Tòa nhà trung tâm B.

Campus core Buiding plan



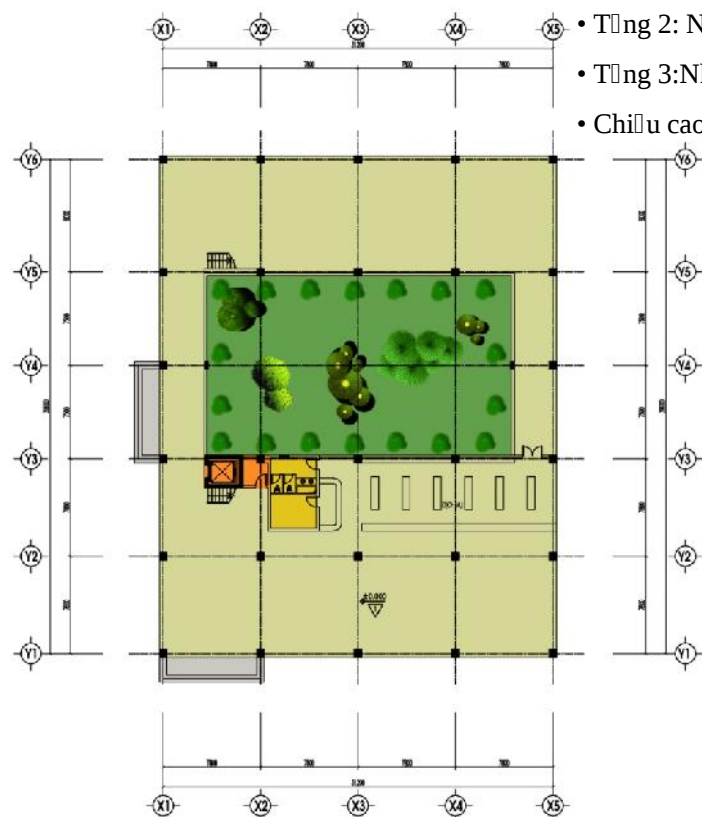
6. Tòa nhà trung tâm B.

Campus core Buiding plan

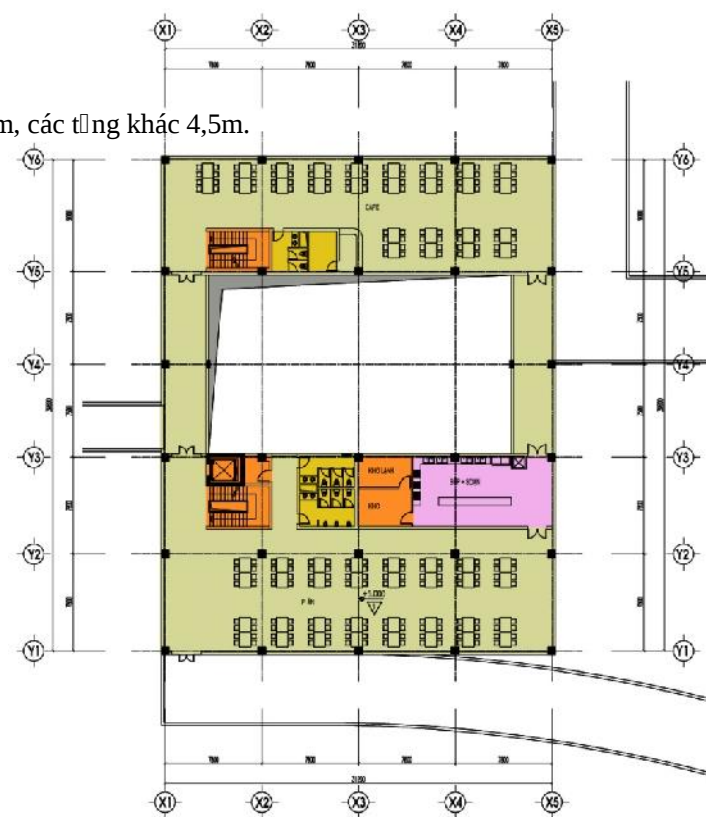


7. Tòa nhà dịch vụ (Nhà ăn).

- Diện tích xây dựng: 850 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 1.900 m²
- Tầng 1: Sân, các phòng dịch vụ.
- Tầng 2: Nhà ăn.
- Tầng 3: Nhà ăn.
- Chiều cao tầng: tầng 1: 5m, các tầng khác 4,5m.

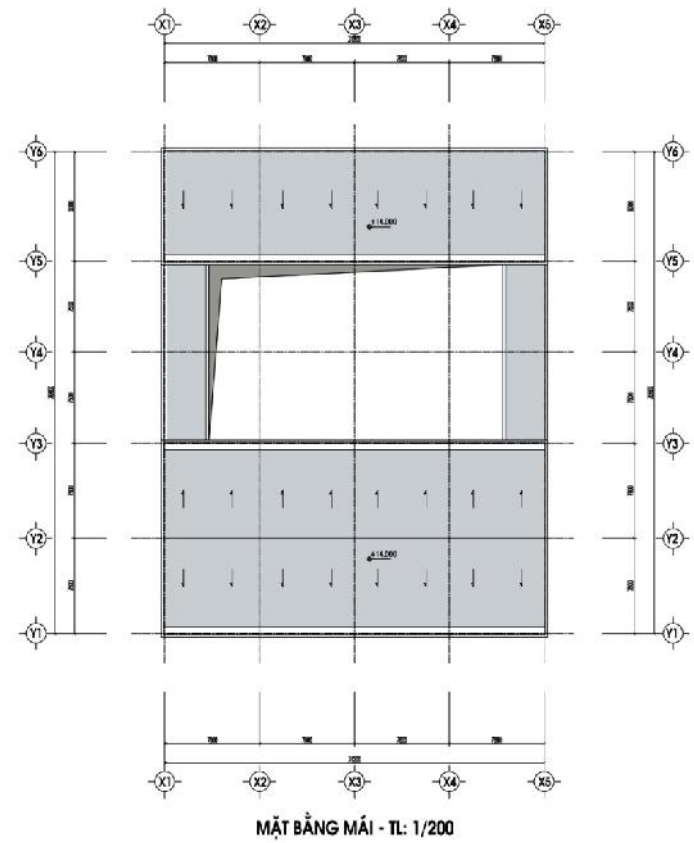
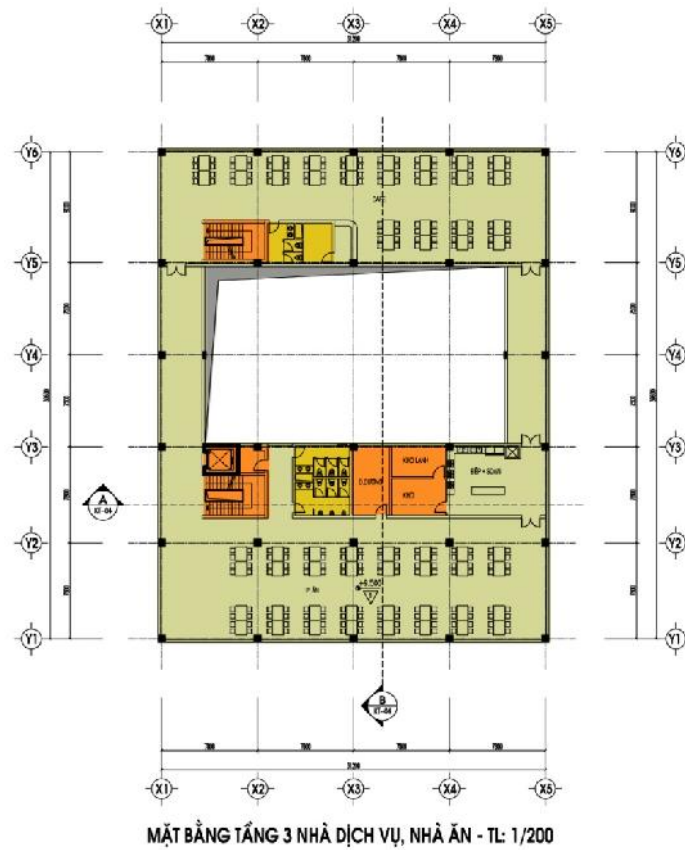


MẶT BẰNG TẦNG 1 NHÀ DỊCH VỤ, NHÀ ĂN - TL: 1/200

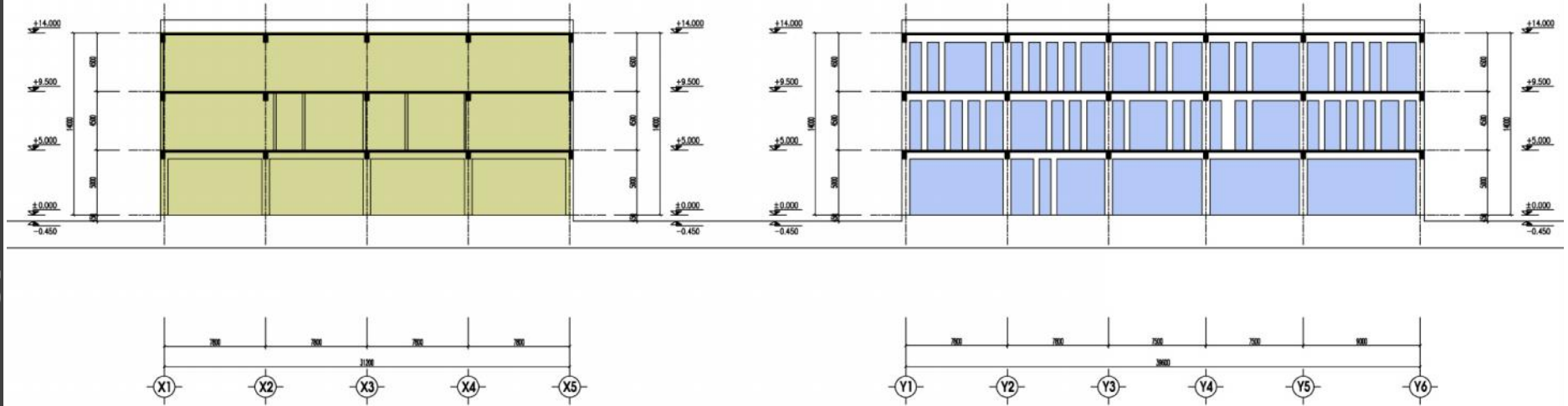


MẶT BẰNG TẦNG 2 NHÀ DỊCH VỤ, NHÀ ĂN - TL: 1/200

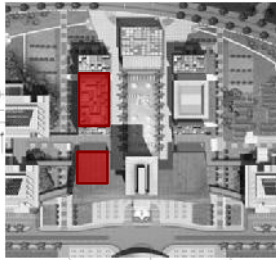
7. Tòa nhà dịch vụ (Nhà ăn).



7. Tòa nhà dịch vụ (Nhà ăn).



8. Khu giảng đường A; Giảng đường B.



•Khu Giảng đường A:

- Diện tích xây dựng: 1.350 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 5.200 m²
- Tầng 1: Sân, giảng đường 300 chỗ .
- Tầng 2: 02 giảng đường 100 chỗ, 02 giảng đường 60 chỗ.
- Tầng 3: 01 giảng đường 300 chỗ, 02 giảng đường 100 và 60 chỗ.
- Tầng 4: 02 giảng đường 100 và 60 chỗ.
- Chiều cao tầng: tầng 1: 5m, các tầng khác 5m.

•Khu Giảng đường B:

- Diện tích xây dựng: 950 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 1.500 m²
- Tầng 1: Sân, 01 giảng đường 100 chỗ và 60 chỗ.
- Tầng 2: 02 giảng đường 100 chỗ và 60 chỗ.
- Tầng 3: Sân trên mái.
- Chiều cao tầng: tầng 1: 5m, các tầng khác 5m.



MẶT BẰNG TẦNG 1 (GIẢNG ĐƯỜNG B)
1F PLAN (CLASSROOM BUILDING B)
AREA= 565 M2

MẶT BẰNG TẦNG 1 (GIẢNG ĐƯỜNG A)
1F PLAN (CLASSROOM BUILDING A)
AREA= 710 M2

8. Khu giảng đường A; Giảng đường B.

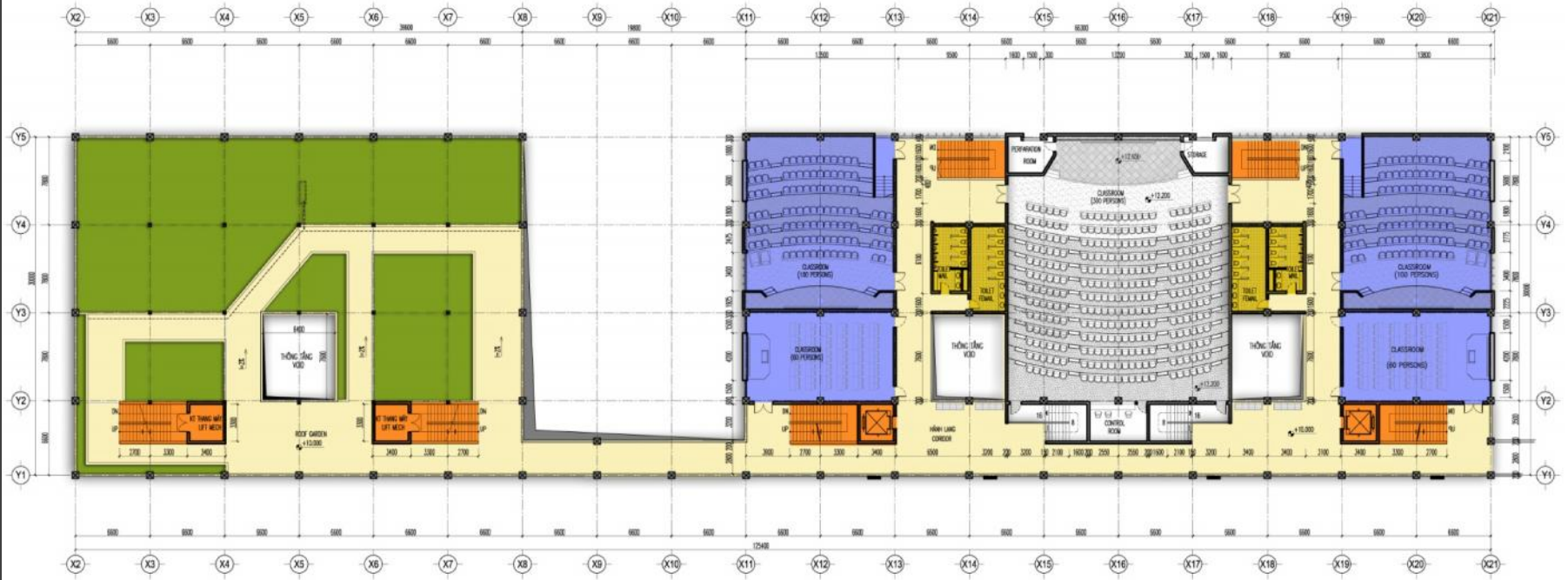


MẶT BẰNG TẦNG 2 (GIẢNG ĐƯỜNG B)
2F PLAN (CLASSROOM BUILDING B)
AREA= 935 M2

MẶT BẰNG TẦNG 2 (GIẢNG ĐƯỜNG A)
2F PLAN (CLASSROOM BUILDING A)
AREA= 1330 M2

8. Khu giảng đường A; Giảng đường B.

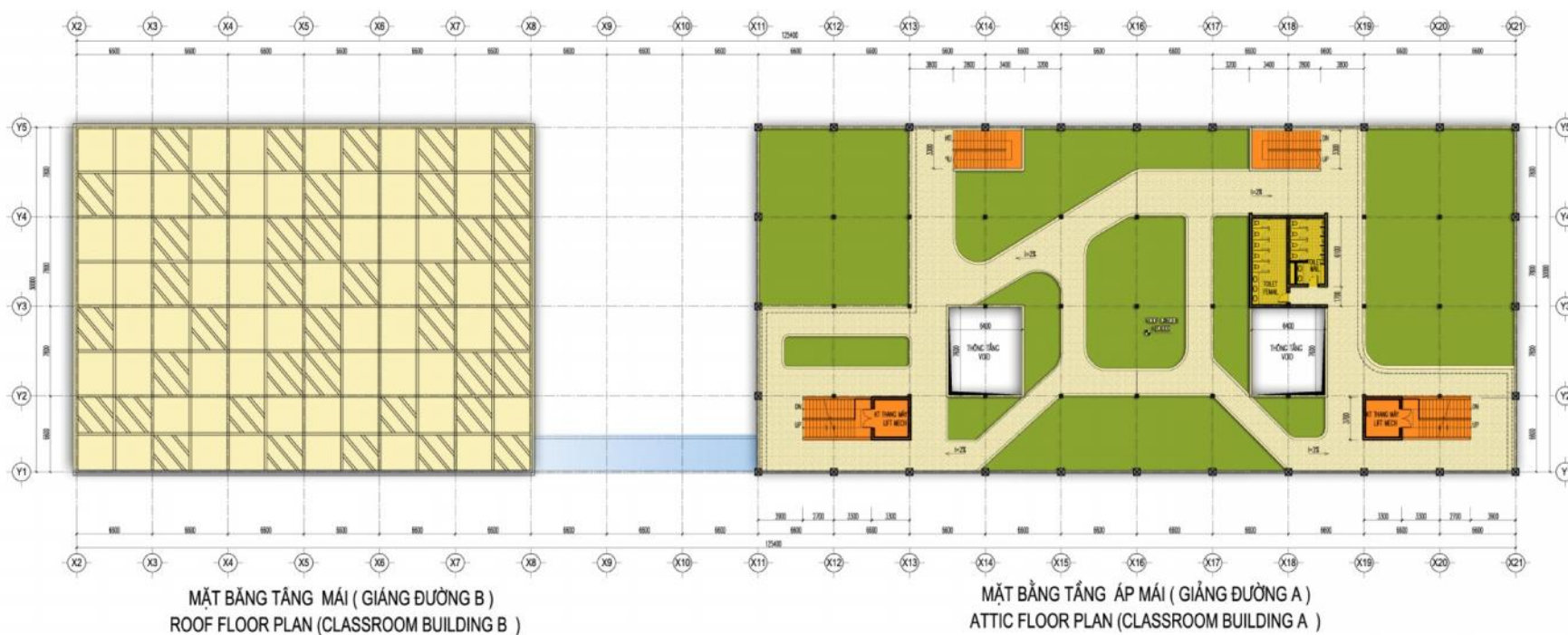
Campus core Buiding plan



MẶT BẰNG TẦNG 3 (GIẢNG ĐƯỜNG B)
3F PLAN (CLASSROOM BUILDING B)

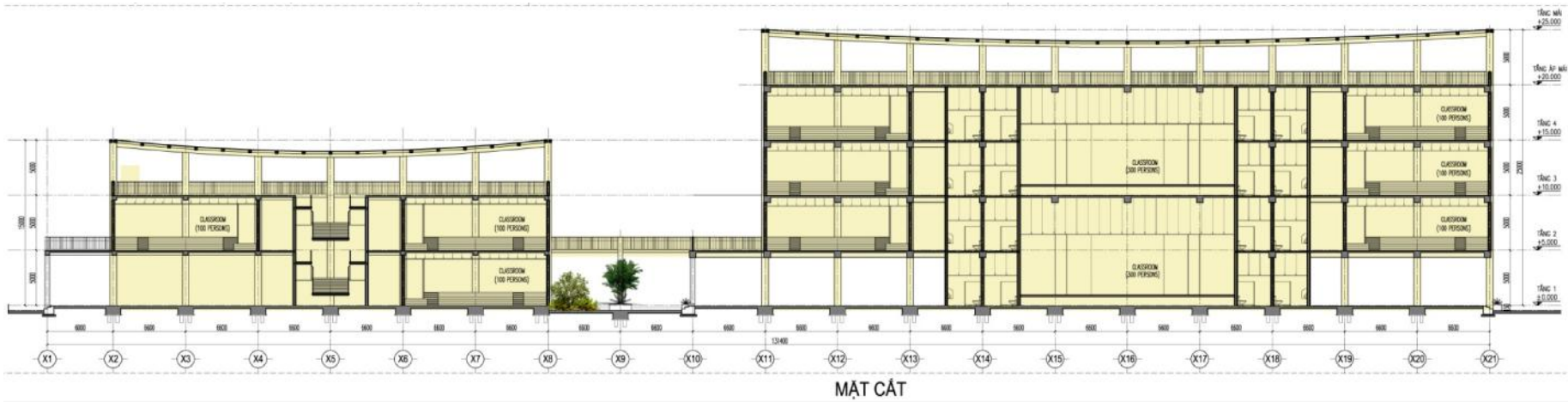
MẶT BẰNG TẦNG 3 (GIẢNG ĐƯỜNG A)
3F PLAN (CLASSROOM BUILDING A)
AREA= 1860 M2

8. Khu giảng đường A; Giảng đường B.

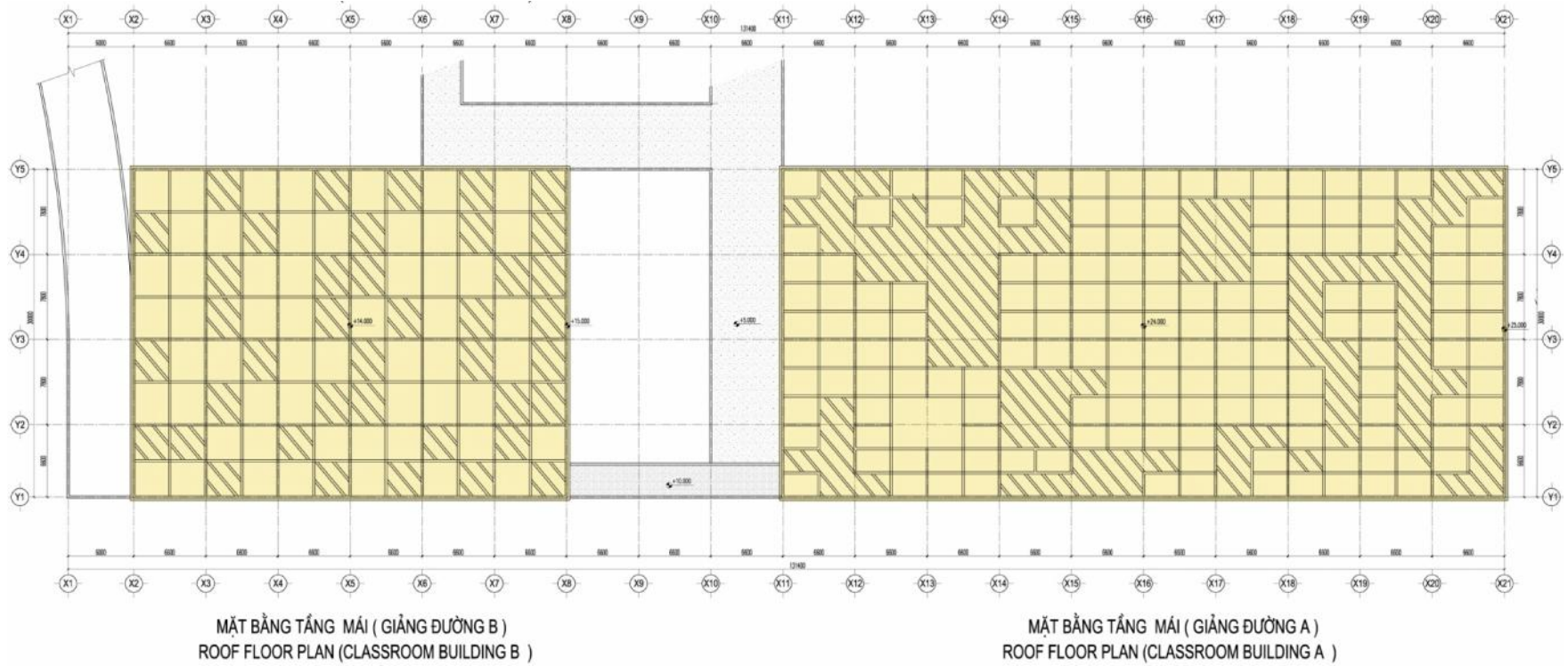


8. Khu giảng đường A; Giảng đường B.

Campus core Buiding plan

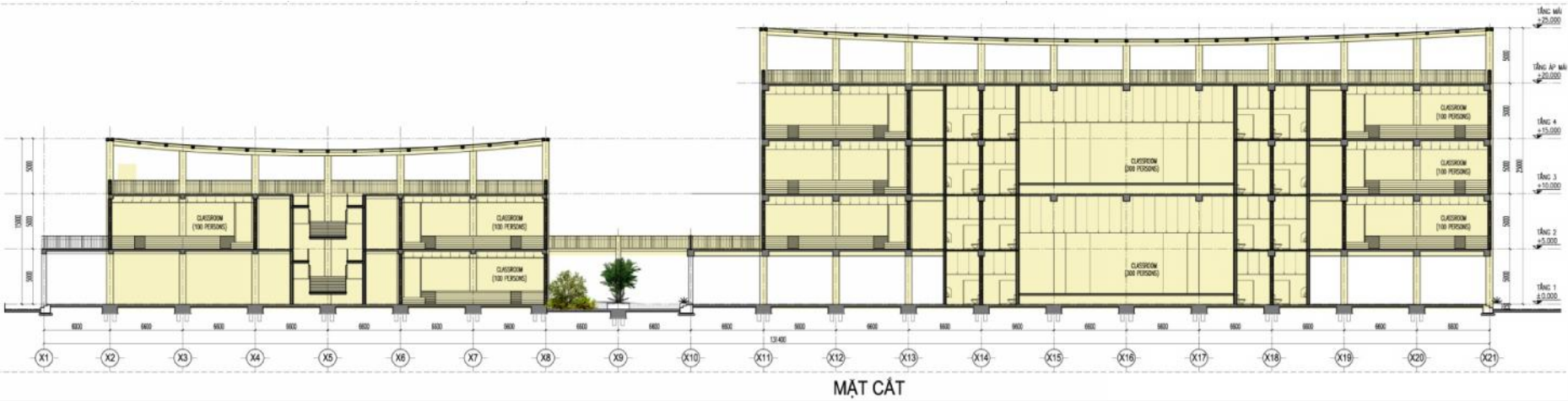


8. Khu giảng đường A; Giảng đường B.



8. Khu giảng đường A; Giảng đường B.

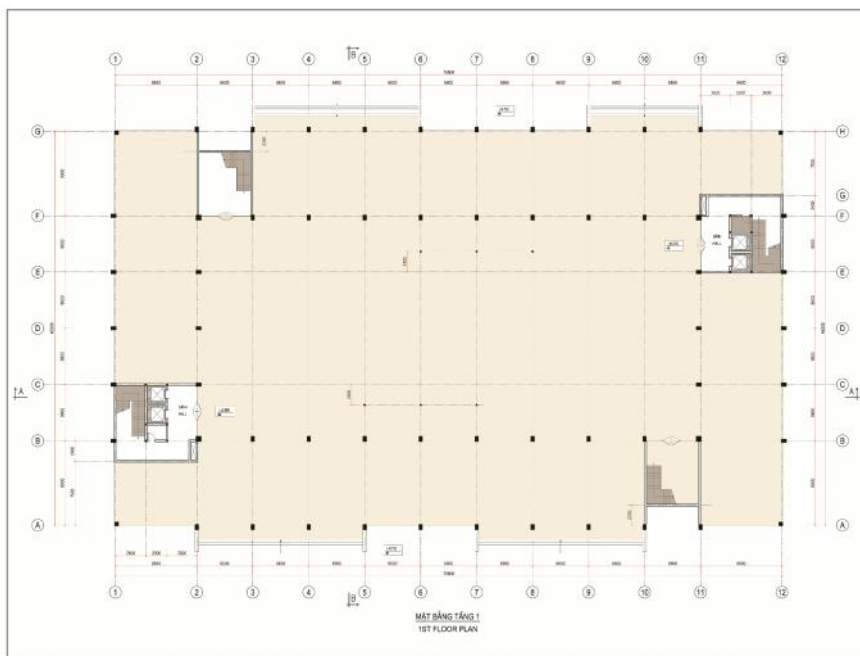
Campus core Buiding plan



9. Khu nhà ḅ môn



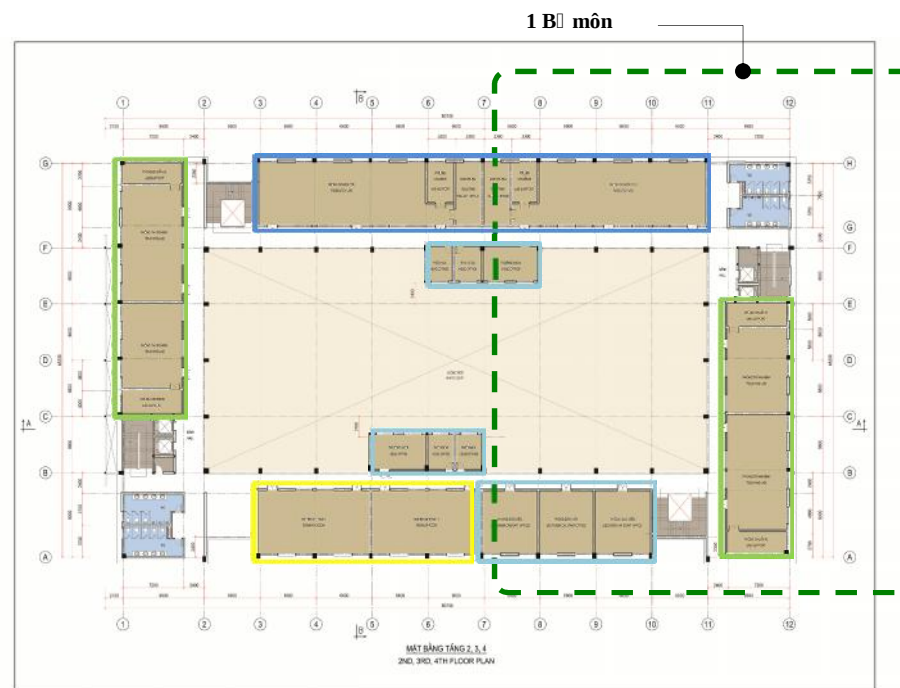
9. Tòanhà bđ môn A.



Mặt bđ ng tđ ng 1

- Phòng lab giđ ng dđ y
- Phòng Lab NC
- Phòng hđ c, seminar
- Văn phòng

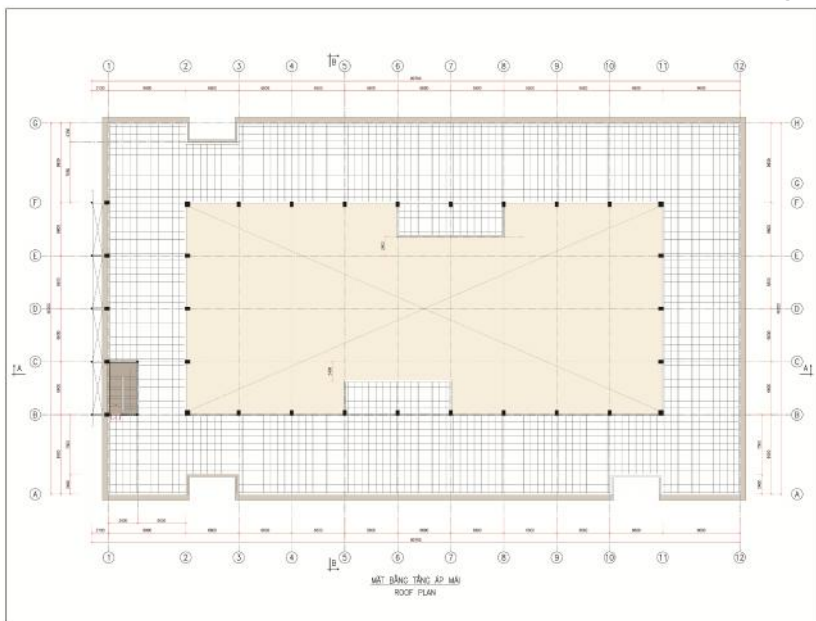
- 28 -



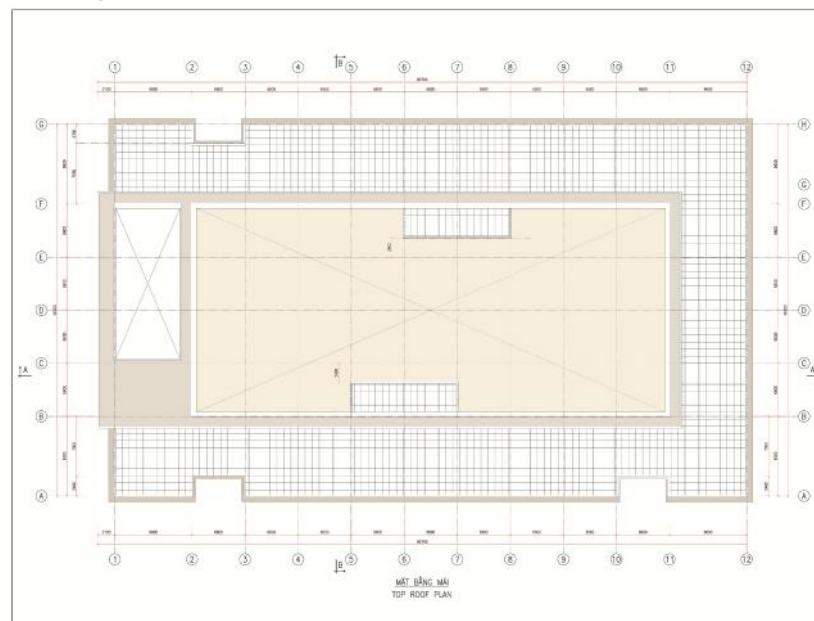
Mặt bđ ng tđ ng 2,3,4

9. Tòanhà ḅ̣ môn A.

- Dị̣n tích xây ḍ̣ng: 3.800 m²
- Dị̣n tích sàn xây ḍ̣ng: 6.500 m²
- Ṭ̣ng 1: Ṣ̣nh , c̣̣u thang.
- Ṭ̣ng 2,3,4: Các phòng nghiên c̣̣u, thí nghị̣m, ḥ̣c ḅ̣ môn, lãnh đ̣̣o khoa.
- Chị̣u cao ṭ̣ng: ṭ̣ng 1: 5m, các ṭ̣ng khác 4,5m.

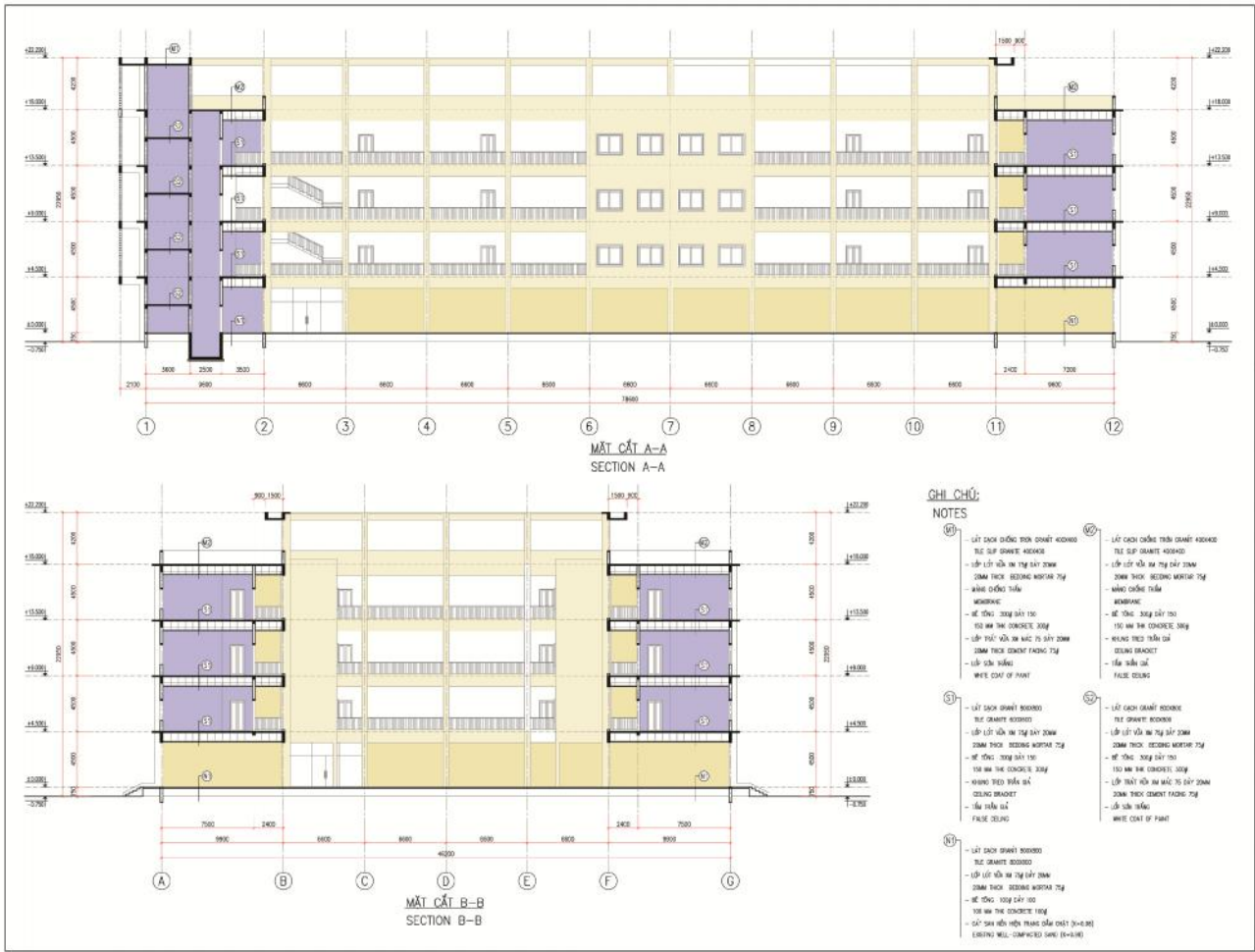


Ṃ̣t ḅ̣ng ṭ̣ng áp mái



Ṃ̣t ḅ̣ng ng mái

9. Tòanhà b□ môn A.



10. Tòanhà ḅ̣ ṃ̣n B.



- Diện tích xây dựng: 3.800 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 6.500 m²
- Tầng 1: Sảnh, cầu thang.
- Tầng 2,3,4: Các phòng nghiên cứu, thí nghiệm, hội trường, lãnh đạo khoa.
- Chiều cao tầng: tầng 1: 5m, các tầng khác 4,5m.

1 Ḅ̣ ṃ̣n



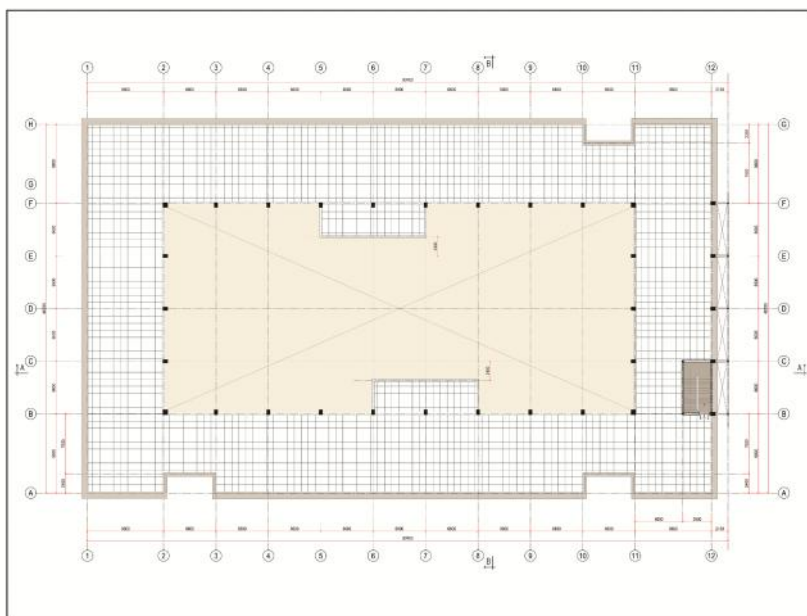
Mặt bằng tầng 1

- Phòng lab giảng dạy
- Phòng Lab NC
- Phòng hội trường, seminar
- Văn phòng

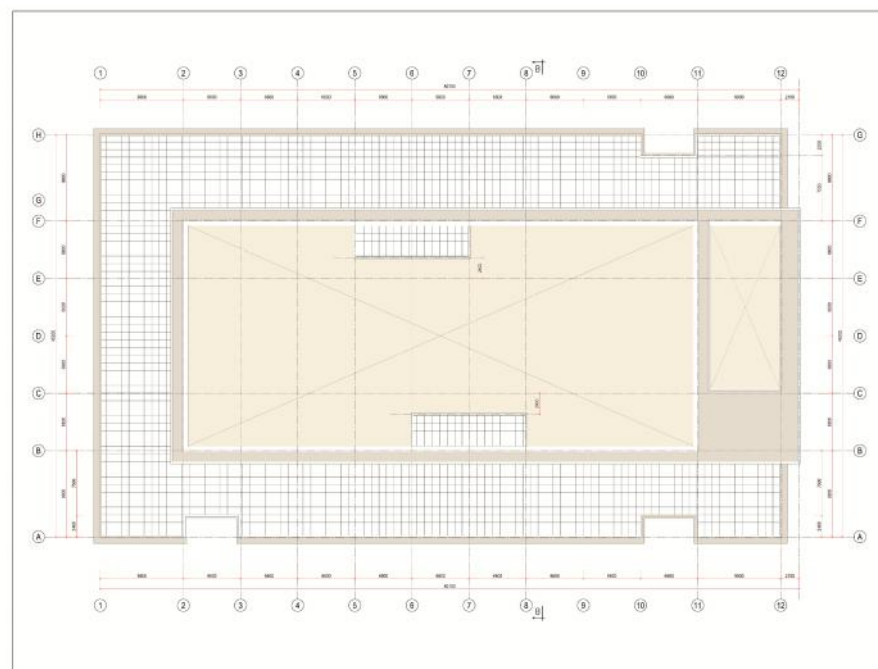


Mặt bằng tầng 2,3,4

10. Tờnàhà bđ môn B.



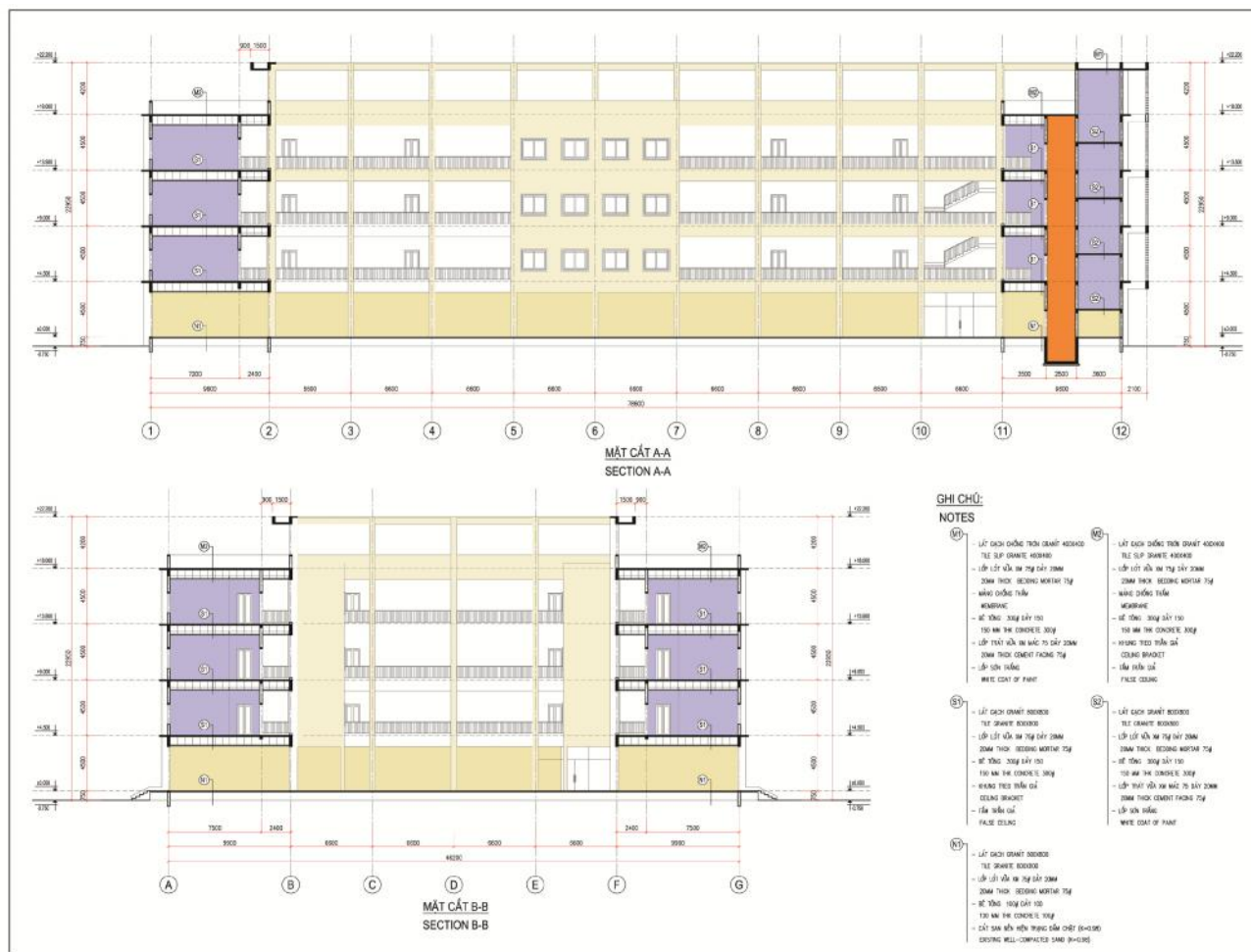
Mặt bđ ng tđ ng áp mái



Mặt bđ ng mái

10. Tòanhà b môn B.

34



2. Toàn cảnh KTX

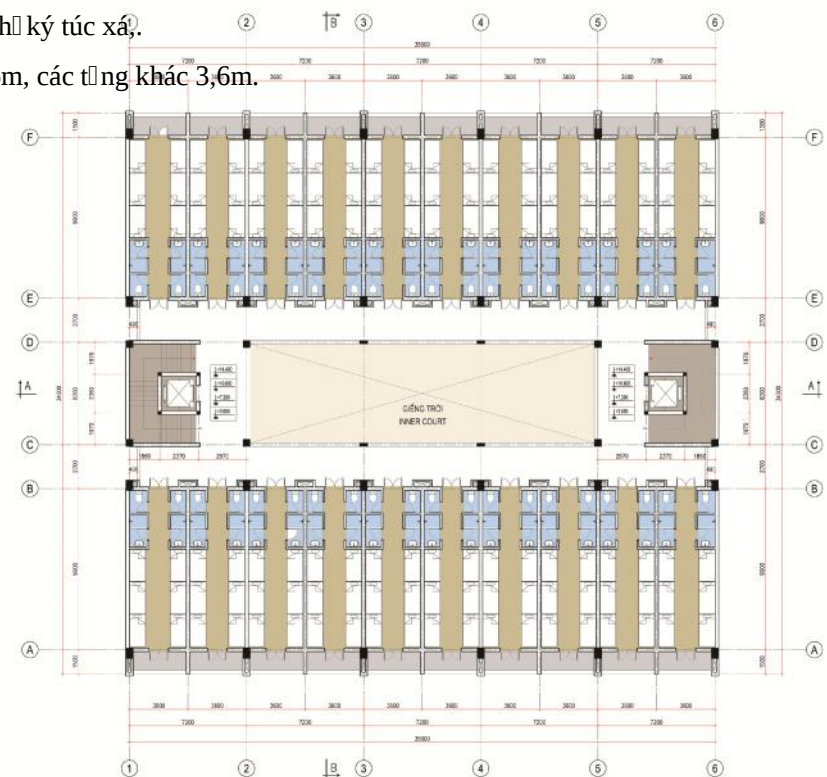


10. Nhà ký túc xá 1.

- Diện tích xây dựng: 1.200 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 5.500 m²
- Tầng 1: Đò xe, nhà ăn, quần lý, sinh hoạt cộng đồng.
- Tầng 2,3,4: Các phòng nghỉ ký túc xá.
- Chiều cao tầng: tầng 1: 3,6m, các tầng khác 3,6m.

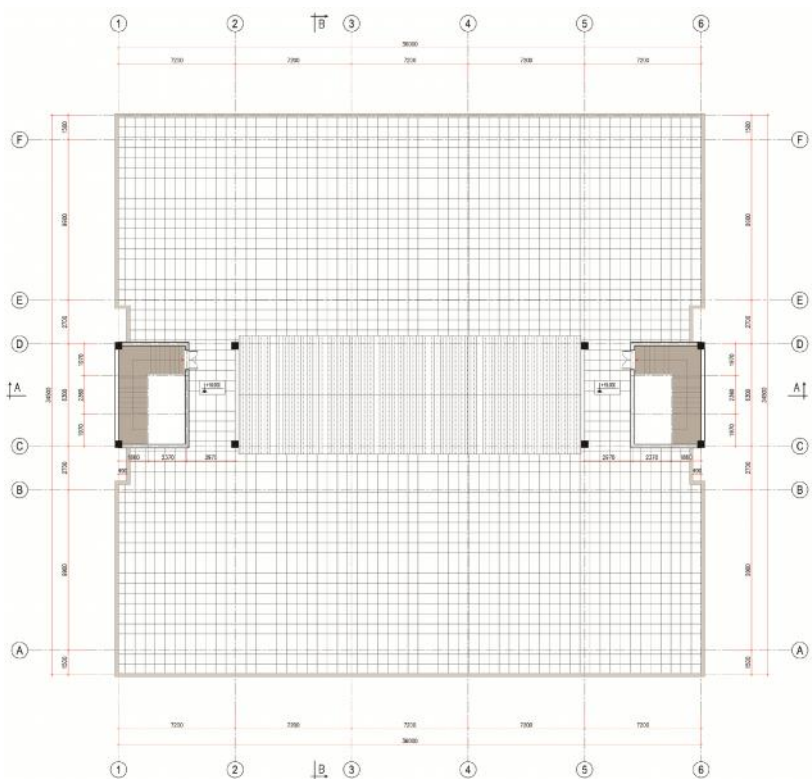


Mặt bằng tầng 1



Mặt bằng tầng 2,3,4

10. Nhà ký túc xá 1.



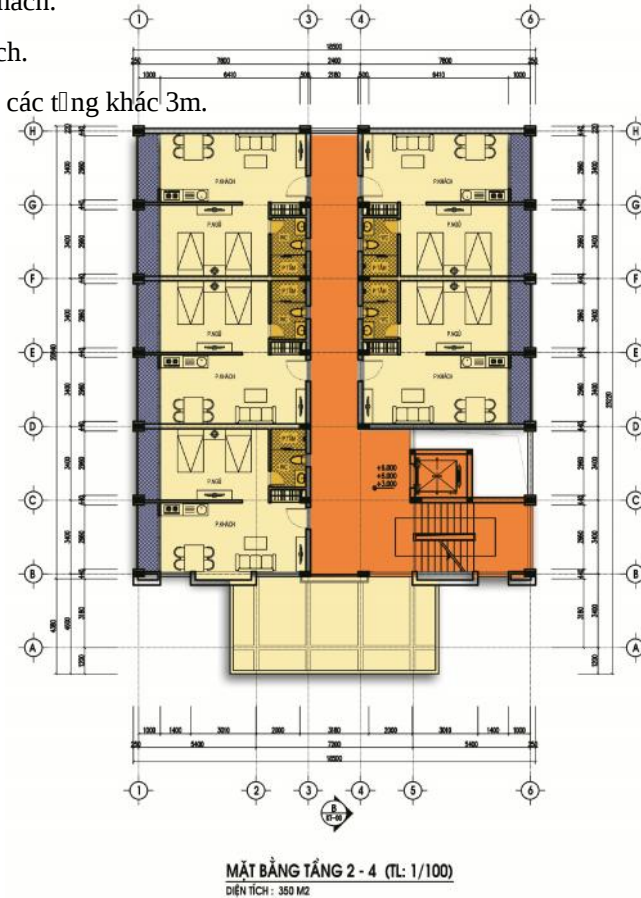
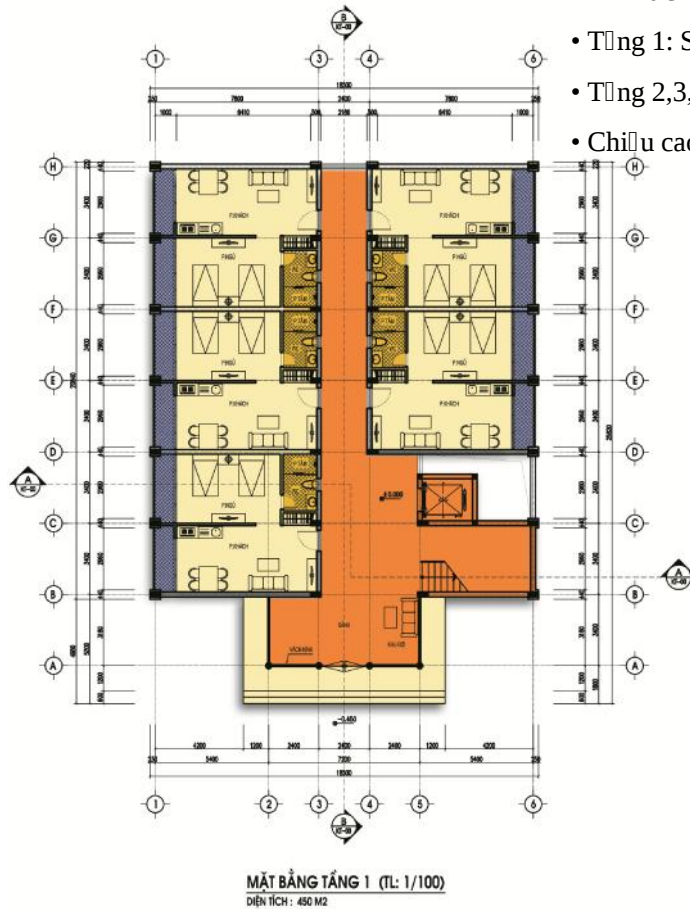
Mặt bằng tổng áp mái



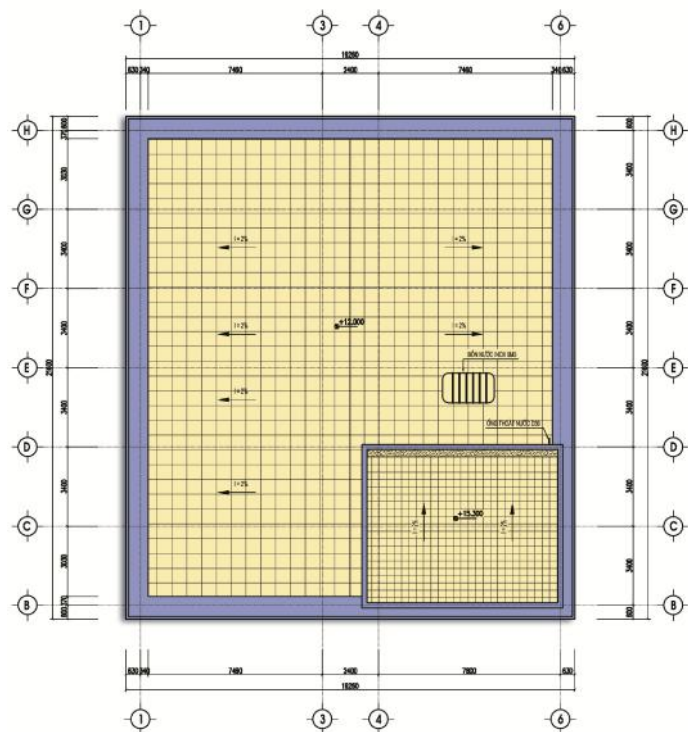
Mặt cắt

9. Nhà khách.

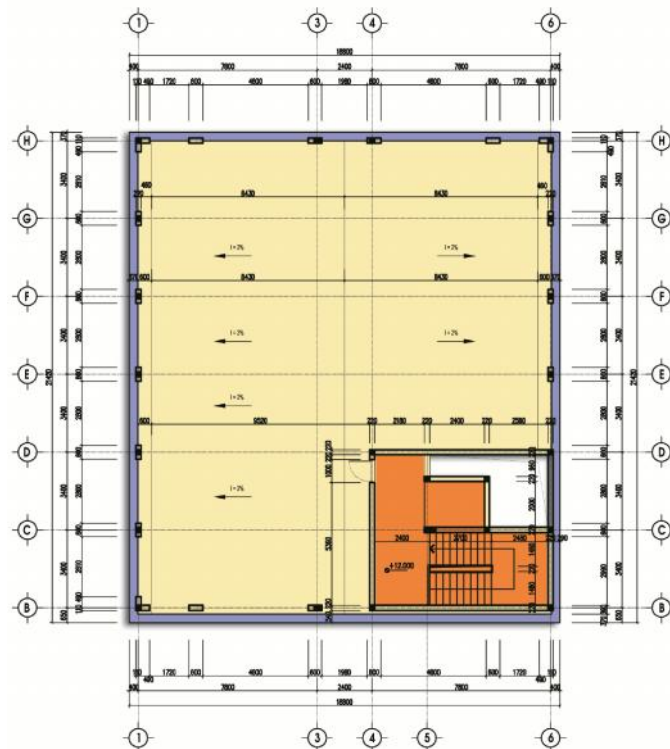
- Diện tích xây dựng: 500 m²
- Diện tích sàn xây dựng: 1.500 m²
- Tầng 1: Sảnh, các phòng khách.
- Tầng 2,3,4: Các phòng khách.
- Chiều cao tầng: tầng 1: 3m, các tầng khác 3m.



9. Nhà khách.

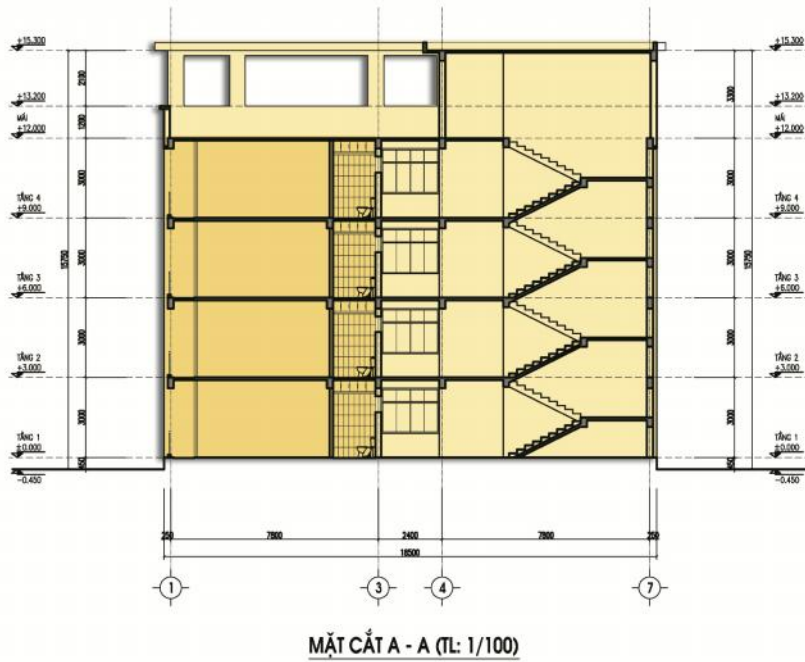


MẶT BẰNG MÁI (TL: 1/100)
DIỆN TÍCH : 350 M2



MẶT BẰNG TẦNG TUM (TL: 1/100)
DIỆN TÍCH : 350 M2

9. Nhà khách.



Trân trọng cảm ơn.

